TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 35/2018/KDTM-PT
Ngày 26-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân;

Các Thẩm phán: 1/Bà Trần Thị Nhàn;

2/Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLPT-KDTM ngày 22/10/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2018/KDTM-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2018/QĐ-PT ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B;

Địa chỉ trụ sở: Số 22, đường B1, Phường B2, quận B3, Thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà C1, số 72, đường C2, phường C3, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Anh D, sinh năm 1989;

Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, Tòa nhà C, số 24B, đường D1, Phường D2, Quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn E;

Địa chỉ trụ sở: Số 190, khu phố E1, phường E2, thị xã A, Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thanh F, chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Phú G, sinh năm 1969;

Hộ khẩu thường trú: Số 589, đường G1, phường G2, thành phố G3, tỉnh Bình Định;

Chỗ ở hiện nay: Số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 135/9, đường H2, tổ H3, phường H4, thị xã H5, tỉnh Gia Lai;

Nơi tạm trú: Số H6, đường H7, tổ H8, phường H9, thành phố H10, tỉnh Gia Lai;

+ Bà Lê Thị Thanh F, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: Số F1, đường F2, tổ F3, khu phố F4, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: Số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Số H6, đường H7, tổ 1, phường H9, thành phố H10, tỉnh Gia Lai.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 25/10/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 13/11/2009, Ngân hàng Thương mại cổ phần C (sau đây viết tắt là Ngân hàng C) – Chi nhánh Hòa Bình và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E (sau đây viết tắt là Công ty E) do bà Lê Thị Thanh F là Giám đốc (người đại diện theo pháp luật của công ty) có ký kết Hợp đồng tín dụng (cho vay theo hạn mức) số 1007LAV200901642, theo đó Công ty E vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng. Sau khi ký hợp đồng hai bên nhiều lần điều chỉnh hạn mức cho vay lên thành số tiền 4.500.000.000 theo 09 biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng C đã giải ngân và Công ty E đã nhận nợ theo các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104294 ngày 05/10/2011, giải ngân số tiền 800.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104329 ngày 07/10/2011, giải ngân số tiền 144.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104593 ngày 25/10/2011, giải ngân số tiền 800.000.000 đồng; Hợp đồng tín

dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104878 ngày 11/11/2011, giải ngân số tiền 900.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201105084 ngày 25/11/2011, giải ngân số tiền 770.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201105415 ngày 16/12/2011, giải ngân số tiền 486.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty E vay của Ngân hàng C số tiền 3.900.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của bên vay, bà Lê Thị Thanh F và ông Huỳnh Phú G (chồng bà F) đã thế chấp các tài sản như sau:

Tài sản thứ nhất: Nhà, đất tại số 589, Số 589, đường G1, phường G2, thành phố G3, tỉnh Bình Định đứng tên ông Huỳnh Phú G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2009 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố G3, tỉnh Bình Định.

Tài sản thứ hai: Nhà, đất tại số 91 phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Huỳnh Phú G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/ EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/09/2010 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty E chỉ thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng (gồm nợ gốc: 950.000.000 đồng, lãi: 50.000.000 đồng). Sau đó, Công ty E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký.

Ngày 21/9/2015, Ngân hàng C bán toàn bộ khoản nợ của Công ty E cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B (sau đây viết tắt là CÔNG TY B) theo Hợp đồng mua bán nợ số 19321/2015/MBN.CÔNG TY B2-C. Vì vậy, kể từ ngày 21/9/2015, CÔNG TY B trở thành chủ khoản nợ vay của Công ty E.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 31/8/2018 là 6.749.239.151 đồng **(**trong đó, nợ gốc: 2.950.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.562.199.359 đồng; lãi quá hạn: 1.237.039.792 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) được tiếp tục tính từ ngày 01/9/2018 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ, cụ thể:

- Nhà, đất tại số 589, đường G1, phường G2, thành phố G3, tỉnh Bình Định đứng tên ông Huỳnh Phú G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009.

- Nhà, đất tại số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Huỳnh Phú G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/9/2010.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không thu hồi đủ nợ thì bị đơn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho CÔNG TY B đến khi thanh toán xong nợ.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, gồm: Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-200901642 ngày 13/11/2009; các Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/ EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010; Hợp đồng mua bán nợ số 19321/2015/MBN.CÔNG TY B2-C ngày 21/09/2015 và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để làm việc, cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2018/KDTM-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B – CÔNG TY B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn E.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B – CÔNG TY B số tiền là 6.749.239.151 đồng (trong đó: Nợ gốc: 2.950.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.562.199.359 đồng; lãi quá hạn: 1.237.039.792 đồng).

Kể từ ngày 01/9/2018 đến khi trả hết số tiền trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-200901642 ngày 13/11/2009; các biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn E trả hết nợ cho nguyên đơn.

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn E không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B – CÔNG TY B có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, gồm:

- Nhà, đất thuộc thửa 100, tờ bản đồ 09 tại địa chỉ số 589, đường G1, Phường G2, thành phố G3, tỉnh Bình Định do Ủy ban nhân dân thành phố G3 tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú G, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00740 ngày 18/3/2009 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009 tại Phòng Công chứng số 6, Thành

phố Hồ Chí Minh, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2009 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố G3, tỉnh Bình Định.

- Nhà, đất tại địa chỉ số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Huỳnh Phú G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/ EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/9/2010 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/09/2010 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B – CÔNG TY B có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Phú G, bà Lê Thị Thanh F bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00740 ngày 18/3/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố G3, tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú G; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00599 do Ủy ban nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Phú G sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn E thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 17/9/2018, Tòa án nhân dân thị xã A nhận được đơn của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú G kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2018/KDTM-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương, yêu cầu hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã A với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt văn bản tố tụng cho bà G nên bà G không thể tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà G và bà F có đơn xin giải quyết vắng mặt; bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Vì tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật cho bà F và bà G.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Phú G và bà F có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Phú G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: Bà G và bà F không được tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy, theo Biên bản xác minh ngày 24/4/2018 do Tòa án cấp sơ thẩm lập để xác minh địa chỉ cư trú của ông Huỳnh Phú G và bà Lê Thị Thanh F và được cán bộ khu phố 8, phường H cung cấp thông tin: "Vợ chồng bà G, bà F có 2 con nhỏ sinh sống tại nhà 91, phường H nhưng ban ngày thường xuyên đi vắng đến tối mới về nhà" (bút lục số 233). Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nêu trên và xét xử vắng mặt bà G, bà F.

Tuy nhiên, theo "Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 30/11/2012" có xác nhận của Trưởng Công an phường H, "Sổ tạm trú" do Công an phường H4 cấp, "Đơn xin xác nhận" được UBND phường H4, thị xã H5, tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 14/7/2014, "Đơn xin xác nhận" được UBND phường H9, thành phố H10, tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 19/4/2018 do ông Huỳnh Phú G xuất trình kèm theo đơn kháng cáo thì từ ngày 06/12/2012, bà G và bà F không còn cư trú tại số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh và đã chuyển về cư trú tại số 135/9, đường H2, tổ 5, phường H4, thị xã H5, tỉnh Gia Lai; thôn I, xã I1, huyện I2, tỉnh Gia Lai; số H6, đường H7, tổ 1, phường H9, thành phố H10, tỉnh Gia Lai. Như vậy, việc xác nhận của cán bộ khu phố 8, phường H là không đúng.

[3] Ngoài ra, tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 21/2014/KDTM-PT ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đã xác định bà G và bà F đã chuyển về cư trú tại số 135/9, đường H2, tổ H3, phường H4, thị xã H5, tỉnh Gia Lai từ ngày 06/12/2012. Tuy hiện nay, bà G và bà F không còn cư ngụ tại địa chỉ này nhưng hai ông, bà không thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành xác minh, tống đạt cho đương sự tại địa chỉ số 135/9, đường H2, tổ H3, phường H4, thị xã H5, tỉnh Gia Lai (địa chỉ được xác định tại Bản án số 21/2014/KDTM-PT ngày 17/9/2014). Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ số 91, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh và xét xử vắng mặt bà G, bà F là trái với quy định tại khoản 3 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét, vi phạm của Tòa án cấp là nghiêm trọng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung nên cần hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần nội dung.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú G.

Đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Phú G.

Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 09/2018/KDTM-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Ông Huỳnh Phú G không phải nộp. Chi cục Thi hành án dân thị xã A, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông Huỳnh Phú G 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024176 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TX. A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hữu Xuân